

Họ, tên thí sinh:
Số báo danh:

Câu 41. Vùng giàu tài nguyên khoáng sản bậc nhất nước ta là

A. Đồng bằng sông Cửu Long.

B. Đồng bằng sông Hồng.

C. Tây Nguyên.

Câu 42. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp với Campuchia và tên đất liền và tên biển?

A. An Giang. B. Kiên Giang. C. Đồng Tháp. D. Cà Mau.

Câu 43. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết trong các hệ thống sông sau đây, hệ thống sông nào có tỉ lệ diện tích lưu vực nhỏ nhất?

A. Sông Đông Nai. B. Sông Hồng. C. Sông Cà. D. Sông Mã.

Câu 44. Bộ phận nào sau đây của vùng biển nước ta được xem như phần lãnh thổ trên đất liền?

A. Nội thủy. B. Vùng tiếp giáp lãnh hải. C. Lãnh hải. D. Thềm lục địa.

Câu 45. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17 và trang 4 - 5, cho biết Khu kinh tế ven biển Chu Lai thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Quảng Nam. B. Quảng Ngãi. C. Bình Định. D. Phú Yên.

Câu 46. Các dãy núi ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có hướng chính là

A. tây - đông. B. bắc - nam. C. tây nam - đông bắc. D. tây bắc - đông nam.

Câu 47. Loại cây nào sau đây **không** phải là chuyên môn hóa sản xuất nông nghiệp ở Tây Nguyên?

A. Cao su. B. Chè. C. Thuốc lá. D. Cà phê.

Câu 48. Công nghiệp chế biến cá phiê của nước ta phân bố chủ yếu ở vùng nào sau đây?

A. Duyên hải Nam Trung Bộ. B. Đồng bằng sông Hồng. C. Trung du và miền núi Bắc Bộ. D. Tây Nguyên.

Câu 49. Cơ cấu sản xuất công nghiệp của nước ta **không** chuyển dịch theo hướng nào sau đây?

A. Tăng tỉ trọng sản phẩm chất lượng thấp. B. Tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến. C. Tăng tỉ trọng của các sản phẩm cao cấp. D. Giảm tỉ trọng công nghiệp khai thác.

Câu 50. Các tuyến đường sắt của nước ta tập trung nhiều nhất ở vùng nào sau đây?

A. Bắc Trung Bộ. B. Đông Nam Bộ. C. Duyên hải Nam Trung Bộ. D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 51. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc?

A. Phạm vi của vùng thay đổi theo thời gian.

B. Các ngành công nghiệp phát triển rất sớm.

C. Có lịch sử khai thác lâu đời nhất nước ta.

D. Có trữ lượng dầu khí đứng đầu cả nước.

Câu 52. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết Đà Lạt thuộc vùng khí hậu nào sau đây?

A. Nam Trung Bộ. B. Nam Bộ. C. Tây Nguyên. D. Bắc Trung Bộ.

Câu 53. Ở nước ta, bão tập trung nhiều nhất vào tháng nào trong năm?

A. XI. B. X. C. VIII. D. IX.

- A. Chuyên sản xuất công nghiệp.
 C. Có ranh giới địa lí xác định.
 B. Có nhiều điểm dân cư sinh sống.
 D. Chính phủ quyết định thành lập.

Câu 63. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với khu công nghiệp ở nước ta?

- A. Cà phê.
 B. Chè.
 C. Trâu.
 D. Hôi.

cây công nghiệp nào sau đây?

Câu 62. Ở Tây Nguyên, các cao nguyên cao 400 - 500m khi hậu khá nóng thuận lợi nhất cho phát triển

- D. Mật độ dân số nhỏ hơn nhiều lần so với cả nước.
 C. Chịu ảnh hưởng của nhiều thiên tai như bão, lụt.
 B. Thiếu nguyên liệu cho việc phát triển công nghiệp.
 A. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành còn chậm.

Câu 61. Nhân xét nào sau đây **không** đúng về hạn chế của Đồng bằng sông Hồng?

- A. có vùng biển rộng lớn.
 C. có vị trí ở gần xích đạo.
 B. chủ yếu là địa hình núi.
 D. nằm gần chí tuyến Bắc.

do phân lãnh thổ này

Câu 60. Biên độ nhiệt độ trung bình năm của phần lãnh thổ phía Nam nước ta thấp hơn phía Bắc là

- A. Thái Nguyên.
 B. Hải Phòng.
 C. TP. Hồ Chí Minh.
 D. Bến Tre.

thực phẩm nào sau đây có quy mô lớn?

Câu 59. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực,

- C. cơ cấu kinh tế chậm thay đổi.
 A. cơ sở hạ tầng còn hạn chế.
 B. phân bố lao động không đều.
 D. trình độ lao động chưa cao.

Câu 58. Năng suất lao động xã hội của nước ta còn thấp, chủ yếu nhất là do

- D. Mùa mưa ở Hà Nội từ tháng V - X, ở Huế từ tháng VIII - I.
 C. Lượng mưa của tháng mưa lớn nhất ở Huế gấp hai lần Hà Nội.
 B. Tháng có mưa nhỏ nhất ở Hà Nội là tháng I, ở Huế tháng III.
 A. Tháng có mưa lớn nhất ở Hà Nội là tháng VIII, ở Huế tháng X.

và Huế?

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhân xét nào sau đây **không** đúng về chế độ mưa của Hà Nội

(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lí 12 Nâng cao, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Hà Nội	18,6	26,2	43,8	90,1	188,5	230,9	288,2	318,0	265,4	130,7	43,4	23,4
Huế	161,3	62,6	47,1	51,6	82,1	116,7	95,3	104,0	473,4	795,6	580,6	297,4

(Đơn vị: mm)

LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH THÁNG CỦA HÀ NỘI VÀ HUẾ

Câu 57. Cho bảng số liệu:

- A. Cây lương thực.
 B. Cây ăn quả.
 C. Cây công nghiệp lâu năm.
 D. Cây công nghiệp hàng năm.

hiện nay?

Câu 56. Nhóm cây nào sau đây chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu diện tích trồng trọt ở nước ta

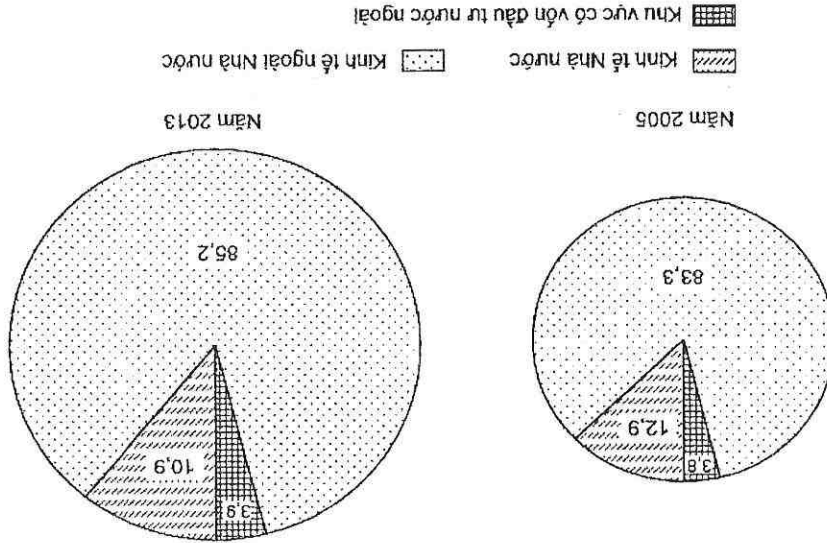
- A. Trồng các cây hàng năm và nuôi gia cầm.
 B. Chăn nuôi các loài gia cầm và gia súc nhỏ.
 C. Trồng cây lâu năm và chăn nuôi gia súc lớn.
 D. Sản xuất lương thực và nuôi trồng thủy sản.

Câu 55. Khu vực đồi núi nước ta có thế mạnh nông nghiệp chủ yếu nào sau đây?

- D. Dân tộc Kinh chiếm tỉ lệ lớn nhất trong tổng số dân.
 C. Mực sông của một bộ phận dân tộc ít người còn thấp.
 B. Có nhiều thành phần dân tộc, bản sắc văn hóa đa dạng.
 A. Các dân tộc ít người sống tập trung chủ yếu ở đồng bằng.

Câu 54. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với đặc điểm dân tộc của nước ta?

CƠ CẤU TỔNG MỨC BÀN LỀ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ CỦA NƯỚC TA PHẦN THÀNH PHẦN KINH TẾ, NĂM 2005 VÀ 2013 (%)
 (Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2014, NXB Thống kê, 2015)



Câu 68. Cho biểu đồ:

- A. Lúa đông xuân giảm, lúa hè thu tăng.
- B. Lúa đông xuân tăng nhanh hơn lúa hè thu.
- C. Lúa đông xuân tăng, lúa mùa giảm.
- D. Lúa đông xuân tăng nhiều hơn lúa hè thu.

nước ta qua các năm?

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về diện tích lúa theo mùa vụ ở

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Năm	Lúa đông xuân	Lúa hè thu	Lúa mùa
2014	3 116,5	2 734,1	1 965,6
2010	3 085,9	2 436,0	1 967,5
2005	2 942,1	2 349,3	2 037,8

(Đơn vị: nghìn ha)

DIỆN TÍCH LÚA THEO MÙA VỤ Ở NƯỚC TA QUA CÁC NĂM

Câu 67. Cho bảng số liệu:

- A. nền nhiệt cao, ít cửa sông lớn đổ ra biển.
- B. nền nhiệt cao, nhiều cửa sông đổ ra biển.
- C. nền nhiệt thấp, ít cửa sông lớn đổ ra biển.
- D. nền nhiệt thấp, nhiều cửa sông đổ ra biển.

Câu 66. Nghề làm muối ở các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ phát triển mạnh là do ở đây có

- A. Tầng cường xuất khẩu khâu lao động.
- B. Dây chuyền phát triển công nghiệp.
- C. Mở rộng các hoạt động dịch vụ.
- D. Phát triển nông nghiệp hàng hóa.

có tác động chủ yếu nào sau đây đối với phát triển kinh tế - xã hội?

Câu 65. Việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp và cây đặc sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ

- A. mưa lớn và triều cường.
- B. bão lớn và lũ nguồn về.
- C. không có đê sông ngăn lũ.
- D. mưa bão trên diện rộng.

Câu 64. Nguyên nhân chính gây ngập lụt ở đồng bằng sông Cửu Long là do

- A. nguồn lợi sinh vật biển ngày càng phong phú.
- B. cơ sở chế biến thủy sản ngày càng phát triển.
- C. tàu thuyền và ngư cụ ngày càng hiện đại hơn.
- D. lao động có kinh nghiệm ngày càng đông.

phát triển là do

Câu 72. Nguyên nhân chủ yếu nhất làm cho hoạt động khai thác hải sản xa bờ ở nước ta ngày càng

- A. Đòi hỏi mức chi phí thấp hơn, gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh.
- B. Địa hình núi ưu thế, có nhiều cao nguyên và lòng chảo giữa núi.
- C. Ảnh hưởng gió mùa Đông Bắc giảm, tình hình đối tượng dân.
- D. Mưa hạ chịu tác động mạnh của Tín phong, có đủ ba đai cao.

nào sau đây?

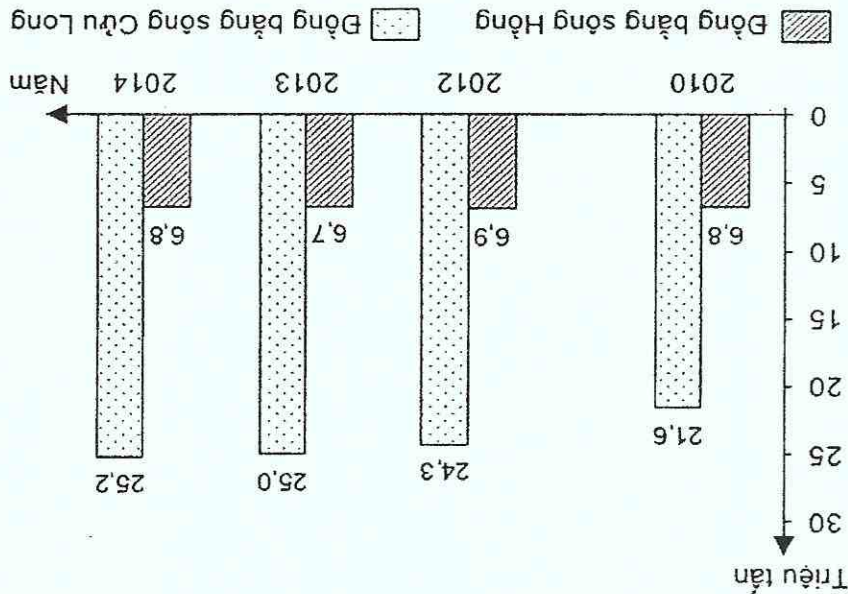
Câu 71. Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ khác với miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ ở những đặc điểm

- A. năng cao chất lượng cuộc sống.
- B. bảo vệ tài nguyên và môi trường.
- C. sử dụng có hiệu quả nguồn lao động.
- D. năng cao tay nghề cho lao động.

- A. Sản lượng lúa của Đông bằng sông Hồng và Đông bằng sông Cửu Long qua các năm.
- B. Cơ cấu diện tích lúa của Đông bằng sông Hồng, Đông bằng sông Cửu Long qua các năm.
- C. Cơ cấu sản lượng lúa của Đông bằng sông Hồng, Đông bằng sông Cửu Long qua các năm.
- D. Diện tích lúa của Đông bằng sông Hồng và Đông bằng sông Cửu Long qua các năm.

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)



Câu 69. Cho biểu đồ về lúa của Đông bằng sông Hồng và Đông bằng sông Cửu Long qua các năm:

- A. Kinh tế Nhà nước giảm, Kinh tế ngoài Nhà nước tăng.
- B. Kinh tế ngoài Nhà nước và Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đều tăng.
- C. Kinh tế Nhà nước và Kinh tế ngoài Nhà nước đều tăng.
- D. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng, Kinh tế Nhà nước giảm.

Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây không đúng với tỉ trọng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ của các thành phần kinh tế ở nước ta năm 2013 so với năm 2005?

Câu 73. Việc trồng rừng ven biển ở Bắc Trung Bộ có vai trò chủ yếu nào sau đây?

A. Giữ gìn nguồn gen của các loài sinh vật quý hiếm.

B. Bảo vệ môi trường sông của động vật hoang dã.

C. Chắn gió, bão và ngăn không cho cát bay, cát chảy.

D. Hạn chế tác hại của lũ lên đột ngột trên các sông.

Câu 74. Khó khăn chủ yếu về tự nhiên trong hoạt động của giao thông vận tải biển ở nước ta là

A. có nhiều vùng, vịnh nước sâu, kín gió.

B. bờ biển dài, có nhiều đảo và quần đảo.

C. dọc bờ biển có nhiều cửa sông lớn.

D. có nhiều bão và áp thấp nhiệt đới.

chê biển sưa phát triển mạnh?

A. Lao động có kĩ thuật cao.

C. Cơ sở vật chất kĩ thuật tốt.

Câu 76. Ngành vận tải đường biển chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu khối lượng luân chuyển hàng hóa ở nước ta, chủ yếu là do

A. vận chuyển trên các tuyến có chiều dài lớn.

B. có các đội tàu vận chuyển hàng trọng tải lớn.

C. chờ được những hàng hóa nặng, công kén.

D. có thời gian vận chuyển hàng hóa kéo dài.

Câu 77. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với công nghiệp năng lượng của Duyên hải Nam Trung Bộ?

A. Tài nguyên nhiên liệu, năng lượng rất đa dạng và dồi dào.

B. Đã xây dựng một số nhà máy thủy điện quy mô trung bình.

C. Cơ sở điện chưa đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp.

D. Sử dụng điện lưới quốc gia qua đường dây 500 kV.

Câu 78. Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho hoạt động nuôi trồng thủy sản nước ngọt ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay gặp nhiều khó khăn?

A. Xâm nhập mặn sâu.

C. Diện tích mặt nước giảm.

Câu 79. Hoạt động kinh tế biển nào sau đây ở Đông Nam Bộ thực đây sự thay đổi mạnh mẽ cơ cấu kinh tế của vùng?

A. Giao thông vận tải.

C. Khai thác khoáng sản.

D. Du lịch biển - đảo.

Câu 80. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU DOANH THU DU LỊCH LỮ HÀNH

PHẦN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA, NĂM 2010 VÀ 2014

Năm	2010	2014
Tổng số	100,0	100,0
Kinh tế Nhà nước	31,9	16,0
Kinh tế ngoài Nhà nước	60,3	72,0
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	7,8	12,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Để thể hiện cơ cấu doanh thu du lịch lữ hành phần theo thành phần kinh tế của nước ta, năm

2010 và 2014 theo bảng số liệu, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

A. Cột.

B. Miền.

C. Tròn.

D. Đường.

HẾT

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam phát hành từ

năm 2009 đến nay.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

